

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào
nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 về việc ban hành Nghị quyết chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 147/TTr-SKHĐT ngày 15/4/2021; Báo cáo số 313/BC-SKHĐT ngày 08/6/2021; Báo cáo số 449/BC-SKHĐT ngày 29/6/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, giải trình, bổ sung nội dung trình phê duyệt Danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. (Nội dung chi tiết danh mục dự án tại phụ biểu kèm theo).

- Trên cơ sở danh mục dự án đã phê duyệt tại Phụ lục số 01: Nhà đầu tư thực hiện thủ tục hỗ trợ theo Nghị quyết 128/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; Hướng dẫn số 853/HD-LN ngày 12/5/2020 của liên ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Tài chính – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Danh mục dự án phê duyệt tại Phụ lục số 02: là cơ sở để các doanh nghiệp, hợp tác xã lập đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và làm thủ tục đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết 128/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Quy mô, vốn đầu tư và mức vốn hỗ trợ sẽ được xác định theo thực tế triển khai của các dự án, khả năng cân đối ngân sách nhà nước và đảm bảo đủ, đúng các quy định, hướng dẫn có liên quan của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, Nhà đầu tư (có tên trong Danh mục dự án) tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La và các văn bản hướng dẫn khác.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan hướng dẫn trình tự thủ tục thực hiện các dự án, tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư các dự án; thẩm định đối tượng, nội dung hỗ trợ theo quy định; rà soát tham mưu cân đối vốn hỗ trợ trong năm và trung hạn theo quy định.

- Tiếp tục chủ trì và rà soát bổ sung danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh định kỳ 6 tháng/lần (Báo cáo kết quả hỗ trợ, tình hình hoạt động của các dự án, doanh nghiệp được hỗ trợ, những vướng mắc, khó khăn và kiến nghị với cơ quan trung ương).

3. Các Doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: Căn cứ danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (có điều chỉnh, bổ sung hàng năm), tổ chức triển khai thực hiện các hạng mục, dự án theo trình tự thủ tục đầu tư và đảm bảo tiến độ đầu tư, làm cơ sở hỗ trợ sau đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Nhà đầu tư có tên trong Danh mục dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *SB*

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 15b.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Công



12/12/2023



DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Dự án đã được cấp chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

Kèm theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

| STT | Tên dự án | Doanh nghiệp/HTX | Quy mô/Công suất (km, ha, tấn) | Địa điểm | Số Quyết định chủ trương đầu tư (GCNĐK đầu tư) | Dự kiến vốn đầu tư (Triệu đồng) | Ghi chú |
|-----|--|---------------------------------------|---|-------------------------------|--|---------------------------------|---------|
| | Tổng số | | | | | 2.224.500 | |
| | Ngân sách trung ương | | | | | 2.133.500 | |
| | Huyện Vân Hồ | | | | | 1.338.000 | |
| 1 | Nhà máy bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao của | Công ty TNHH IC FOOD Sơn La | 3 tấn hành lá khô, 6 tấn bắp cải khô/năm | Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ | 1864/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 | 138.000 | |
| 1.1 | Nhà máy chế biến hoa quả tươi và thảo dược | CTCP chế biến thực phẩm sạch Vân Hồ | 20.000 chai/giờ | Xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ | 486352036 cấp thay đổi lần 02 ngày 8/9/2020 | 1.200.000 | |
| 1.2 | Vân Hồ | | | | | | |
| 2 | Huyện Mộc Châu | | | | | 50.000 | |
| 2.1 | Nhà máy Chế biến chanh leo, rau, củ, quả xuất khẩu gắn với phát triển vùng nguyên liệu chanh leo | CTCP Nafood Tây Bắc | 25.000 tấn quả/năm | Thị trấn nông trường Mộc Châu | 3071/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 | 50.000 | |
| 3 | Huyện Thuận Châu | | | | | 320.000 | |
| 3.1 | Nhà máy chế biến tinh bột sắn | CTCP chế biến tinh bột sắn Thuận Châu | 400 tấn sản phẩm/ngày đêm | Nong Lay | 129/QĐ-UBND ngày 15/1/2019 | 295.000 | |
| 3.2 | Trồng và chế biến quả mắc ca | CTCP Mắc Ca Sơn La | Vùng nguyên liệu mắc ca 300ha; diện tích khu chế biến 1 ha; công suất 500-1000 tấn sản phẩm/năm | Các xã trên địa bàn huyện | 6073180087 cấp thay đổi lần 1 ngày 14/6/2018 | 25.000 | |
| 4 | Huyện Mai Sơn | | | | | 425.500 | |
| 4.1 | Nhà máy chế biến miến dong | Công ty TNHH Trung Dũng Tây Bắc | 2.500 tấn miến thành phẩm/năm | Chiềng Ve, Mai Sơn | 776/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 | 25.500 | |

✓

| STT | Doanh nghiệp/HTX | Quy mô/Công suất (km, ha, tấn) | Địa điểm | Số Quyết định chủ trương đầu tư (GCNDK đầu tư) | Dự kiến vốn đầu tư (Triệu đồng) | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------------------|----------|---|------------------------------------|---------|
| | Ngân sách địa phương | | | | | |
| 1 | Huyện Vân Hồ | | | | 91.000 | |
| 1.5 | Vườn ươm giống cây trồng nông nghiệp công nghệ cao của Công ty STEVIA Tây Bắc | CTCP nông sản Stevia Tây Bắc | | | 10.000 | |
| 2 | Huyện Thuận Châu | | | | 14.000 | |
| 2.1 | Nhà máy chế biến mù cao su | CTCP cao su Sơn La | | | 14.000 | |
| 3 | Huyện Mường La | | | | 7.000 | |
| 3.1 | Dự án xây dựng cơ sở chế biến chiết xuất tinh dầu sả (Hỗ trợ thuê đất và xây dựng nhà xưởng, hạ tầng, máy móc thiết bị) | HTX Phú Sơn | | | 7.000 | |
| 4 | Huyện Quỳnh Nhai | | | | 30.000 | |
| 4.1 | Dự án trồng và phát triển cây mắc ca tại 03 xã (Chiềng Khay, Cà Nàng, Mường Giôn) | CTCP Liên Việt Sơn La | | | 30.000,0 | |
| 5 | Thành phố Sơn La | | | | 30.000 | |
| 5.1 | Dự án vườn ươm giống cây trồng nông nghiệp | CTCP giống cây trồng Sơn La | | | 30.000,0 | |




(Handwritten mark)

DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| STT | Tên dự án | Tên Doanh nghiệp đầu tư | Địa điểm | Quy mô/Công suất (km, ha, tấn) | Công nghệ áp dụng | Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng | Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng) | Tiến độ thực hiện dự án | Thời hạn thực hiện dự án | Ghi chú |
|----------|---|-----------------------------|---|--|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|--------------------------|---------|
| | Tổng số | | | | | | 139.550 | | | |
| 1 | Huyện Sông Mã | | | | | | 12.250 | | | |
| 1.1 | Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả, cây lương thực | HTX Quyết Tiến | Bản Quyết Tiến, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã | Công trình Trạm bơm thủy lợi bơm tưới phục vụ tưới tiêu cho 100 ha | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-UBND | 750 | 2021 | 20 | |
| 1.2 | Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả, cây lương thực | HTX DVNN Bảo Minh | Bản C5 xã Chiềng Khoong huyện Sông Mã | Công trình Trạm bơm thủy lợi bơm tưới phục vụ tưới tiêu cho 100 ha | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-UBND | 1.000 | 2022 | 20 | |
| 1.3 | Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản | HTX DVNN Hoa Mười | Bản Huổi Bó, xã Chiềng Khoong huyện Sông Mã | 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-UBND | 1.500 | 2021 | 20 | |
| 1.4 | Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản | HTX Phúc Lộc | Nà Pàn Nà Nghịu xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã | 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-UBND | 1.500 | 2021 | 20 | |
| 1.5 | Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản | HTX Sơn Long | Bản Ten, xã Chiềng En, huyện Sông Mã | 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-UBND | 1.500 | 2022 | 20 | |
| 1.6 | Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản | HTX Toàn Thắng | Bản Tây Hồ, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã | 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-UBND | 1.500 | 2022 | 20 | |
| 1.7 | Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản | HTX Nhân chín sớm Bảo Dương | Bản Trại giồng, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã | 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-UBND | 1.500 | 2023 | 20 | |

| STT | Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư | Địa điểm | Quy mô/Công suất (km, ha, tấn) | Công nghệ áp dụng | Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng | Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng) | Tiến độ thực hiện dự án | Thời hạn thực hiện dự án | Ghi chú |
|-----|---|---|---|---|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|--------------------------|---------|
| 1.8 | Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản  | HTX Khánh Minh | Bản Phóng II, xã Bó Sinh, huyện Sông Mã | 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 1.500 | 2023 | 20 |
| 1.9 | Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản | HTX Hưng Phát | bản Hưng Hà, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã | 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 1.500 | 2024 | 20 |
| 2 | Huyện Mai Sơn | | | | | | 3.500 | | |
| 2.1 | Xây dựng cơ sở sơ chế, kho lạnh bảo quản nông sản | HTX thương bình 27/77 | Thị trấn Hát Lót, Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn | 500 tấn kho (2.000 tấn sản phẩm/năm) | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 3.500 | 2022 | 20 |
| 3 | Huyện Bắc Yên | | | | | | 10.700 | | |
| 3.1 | Dự án xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm chè Shan tuyết đặc sản Tà Xùa (Hỗ trợ thuê đất và xây dựng nhà xưởng, hạ tầng, máy móc thiết bị) | Công ty TNHH Trà và đặc sản Tây Bắc | Xã Tà Xùa | Diện tích vùng nguyên liệu: 250 ha Nhà xưởng chế biến: 0,8 ha Công suất: 500 tấn kho | Việt Nam | NĐ 57/2018/NĐ-CP ngày 14/8/2018 | 3.700 | 2022 | 20 |
| 3.2 | Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi bò thịt tập trung | Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Bảo Lâm; Hợp tác xã XD-TH Trung Hiếu Phiêng Côn | Xã Phiêng Ban, xã Phiêng Côn | Quy mô > 100 con | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 3.500 | 2023 | 20 |
| 3.3 | Dự án xây dựng cơ sở chế biến, cơ sở bảo quản cho sản phẩm quả táo Sơn Tra, được liệt (thảo quả, sa nhân tím) | Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ tổng hợp Sơn tra Bắc Yên | Xã Phiêng Ban | Vùng nguyên liệu: Sơn tra 2.500 ha, thảo quả 400 ha; Diện tích khu chế biến: 0,3 ha; Công suất: 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 3.500 | 2021 | 20 |
| 4 | Huyện Mường La | | | | | | 7.600 | | |

| STT | Tên dự án | Tên Doanh nghiệp đầu tư | Địa điểm | Quy mô/Công suất (km, ha, tấn) | Công nghệ áp dụng | Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng | Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng) | Tiến độ thực hiện dự án | Thời hạn thực hiện dự án | Ghi chú |
|-----|---|------------------------------------|---------------|--|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|--------------------------|---------|
| 4.1 | Dự án xây dựng nhà xưởng, kho lạnh bảo quản nông sản | HTX Nông nghiệp Mường Bú | Xã Mường Bú | Nhà xưởng gồm 5 gian bằng khung thép chịu lực với diện tích 200 m ² ; công suất 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 1.200 | 2022 | 20 | |
| 4.2 | Dự án xây dựng nhà xưởng, kho lạnh bảo quản trái cây | HTX Đào Ngọc | Xã Mường Bú | Nhà xưởng gồm 5 gian bằng khung thép chịu lực với diện tích 200 m ² ; công suất 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 1.200 | 2022 | 20 | |
| 4.3 | Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả ứng dụng công nghệ tưới phun tự động | HTX Nông nghiệp Mường Bú | Xã Mường Bú | Bê lán; xây dựng bể chứa, hồ van; thiết kế đường ống tưới HDPE phục vụ tưới cho 50 ha cây ăn quả | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 2.000 | 2022 | 20 | |
| 4.4 | Dự án xây dựng nhà xưởng, kho lạnh bảo quản nông sản | HTX Bắc Sơn | Xã Mường Bú | Nhà xưởng gồm 5 gian bằng khung thép chịu lực với diện tích 200 m ² ; công suất 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 1.200 | 2022 | 20 | |
| 4.5 | Dự án xây dựng nhà xưởng, kho lạnh bảo quản nông sản | HTX Nông nghiệp dịch vụ Mường Trai | Xã Mường Trai | Nhà xưởng bằng khung thép chịu lực với diện tích 300 m ² ; công suất 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 2.000 | 2022 | 20 | |
| 5 | Số 5 | | | | | | 70.500 | | | |
| 5.1 | Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, được liệu | Công ty TNHH SHA Sơn La | Xã Nậm Lạnh | 500 tấn kho | Việt Nam | NĐ 57/2018/NĐ-CP ngày 14/8/2018 | 30.000 | 2022 | 50 | |
| 5.2 | Trang trại chăn nuôi gia súc (bò, lợn) quy mô tập trung. | Công ty TNHH SHA Sơn La | Xã Nậm Lạnh | 350-450 con bò, 800-1.000 con lợn | Việt Nam | NĐ 57/2018/NĐ-CP ngày 14/8/2018 | 30.000 | 2022 | 50 | |
| 5.3 | Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm sản, được liệu | HTX nông nghiệp Châu Thịnh | Xã Mường Và | 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 6.500 | 2022 | 20 | |

| STT | Tên dự án | Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư | Địa điểm | Quy mô/Công suất (km, ha, tấn) | Công nghệ áp dụng | Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng | Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng) | Tiến độ thực hiện dự án | Thời hạn thực hiện dự án | Ghi chú |
|-----|---|---------------------------------|-------------------------|---|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|--------------------------|---------|
| 5.4 | Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm sản, được liệt kê | HTX Thanh Tùng | Xã Mường Và | 500 tấn kho | Việt Nam | Hỗ trợ theo NQ 128/2020/NQ-HĐND | 4.000 | 2022 | 20 | |
| 6 | Thành phố Sơn La | | | | | | 35.000 | | | |
| 6.1 | Dự án nuôi bò 3B và sơ chế, bảo quản, chế biến, nông lâm sản tại Thành phố Sơn La | Công ty TNHH SHA Sơn La | Bản Phường, Chiềng Ngần | 350-450 con; sơ chế bảo quản nông lâm sản 500 tấn kho | Việt Nam | NĐ 57/2018/NĐ-CP ngày 14/8/2018 | 35.000 | 2021 | 50 | |

